|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 07/2000/NĐ-CP |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2000* |
|  | | |
| **NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ**  ***Về chính sách cứu trợ xã hội***    **CHÍNH PHỦ**  *Căn cứ Luật Tổ chứcChính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*  *Căn cứ Luật Ngânsách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;*  *Căn cứ Pháp lệnhphòng chống bão lụt ngày 08 tháng 3 năm 1993;*  *Căn cứ Pháp lệnh vềngười tàn tật ngày 30 tháng 7 năm 1998;*  *Theo đề nghị của Bộtrưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*    **NGHỊ ĐỊNH:**  **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1.**Nghị định này quy định một số chính sách và chế độ cứu trợ xã hội nhằm hỗ trợ,giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tậtnặng, người gặp rủi ro do thiên tai và những lý do bất khả kháng khác mà bảnthân họ và người thân của họ không thể tự khắc phục được (sau đây gọi chung làngười thuộc diện cứu trợ xã hội).  **Điều 2.**Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, tổchức kinh tế, tổ chức xã hội, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nướcngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự nguyện giúp đỡ Người thuộc diệncứu trợ xã hội.  **Điều 3.**Việc cứu trợ xã hội chủ yếu được thực hiện tại gia đình và tại cộng đồng - nơingười thuộc diện cứu trợ xã hội cư trú. Việc hỗ trợ nuôi dưỡng tại các cơ sởbảo trợ xã hội chỉ áp dụng cho người cô đơn không nơi nương tựa hoặc đặc biệtkhó khăn.  **Điều 4.**Tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và nguồn tài chính để nuôidưỡng trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn lâu dài với mức tối thiểu trởlên theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch của Nhà nước, không yêucầu Nhà nước hỗ trợ kinh phí, được phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.  BộLao động - Thương binh và Xã hội trình Chính phủ ban hành "Quy chế thànhlập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội’’.  **Điều 5.**Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào hoàn cảnh thựctế của người thuộc diện cứu trợ xã hội và khả năng nguồn lực của địa phương đểquy định mức trợ cấp xã hội, nhưng không thấp hơn mức trợ cấp quy định tại Điều10 của Nghị định này.    **Chương II**  **CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN**  **Điều 6.**Ngườithuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên tại xã, phường quản lý gồm:  1.Trẻ em mồ côi là trẻ em dưới 16 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bịmất nguồn nuôi dưỡng và không còn người thân thích để nương tựa; trẻ em mồ côicha hoặc mẹ, nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều88 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quyđịnh của pháp luật;  2.Người già cô đơn không nơi nương tựa là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độcthân. Người già còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thânthích để nương tựa, không có nguồn thu nhập. Trường hợp là phụ nữ cô đơn khôngnơi nương tựa, không có nguồn thu nhập, từ đủ 55 tuổi trở lên, hiện đang được hưởngtrợ cấp cứu trợ xã hội vẫn tiếp tục được hưởng;  3.Người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không có nơi nương tựa; người tàntật nặng tuy có người thân thích nhưng họ già yếu hoặc gia đình nghèo không đủkhả năng kinh tế để chăm sóc;  4.Người tâm thần mãn tính là người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phânliệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trịnhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc thânkhông nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện đói nghèo.  **Điều 7.**Ngườithuộc diện cứu trợ xã hội quy định tại Điều 6 của Nghị định này thuộc diện đặcbiệt khó khăn không tự lo được cuộc sống thì được xem xét tiếp nhận vào cơ sởbảo trợ xã hội.  **Điều 8.**Những người có hoàn cảnh như người thuộc diện cứu trợ xã hội nhưng còn nơi nươngtựa, có nguồn nuôi dưỡng mà gia đình làm đơn tự nguyện đưa vào cơ sở bảo trợ xãhội, được cấp có thẩm quyền đồng ý thì gia đình phải chịu mọi chi phí theo quyđịnh.  Ngânsách Nhà nước không hỗ trợ kinh phí cho đối tượng nói tại Điều này.  **Điều 9.**  1.Trẻ em từ 13 tuổi trở lên thuộc các cơ sở bảo trợ xã hội không còn học văn hóathì được giới thiệu đến các trung tâm dạy nghề để học nghề theo quy định hiệnhành của Nhà nước.  2.Trẻ em đã trưởng thành, người tàn tật đã phục hồi chức năng, người bệnh tâm thầnđã ổn định, đang ở cơ sở bảo trợ xã hội thì được đưa trở về địa phương. ủy bannhân dân xã, phường, gia đình có trách nhiệm tiếp nhận và tạo điều kiện cho họcó việc làm và hoà nhập với cộng đồng.  **Điều 10.**  1.Mức trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên tối thiểu do xã, phường quản lý bằng45.000 đồng/người/tháng.  2.Mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng tối thiểu tại cơ sở bảo trợ xã hội của nhànước bằng 100.000 đồng/người/tháng; riêng đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổiphải ăn thêm sữa, mức trợ cấp bằng 150.000 đồng/người/tháng.  **Điều 11.**Ngoài trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghịđịnh này, các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc nhà nước quản lý được hưởngthêm các khoản trợ cấp sau :  1.Trợ cấp để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống thườngngày;  2.Trợ cấp mua thuốc chữa bệnh thông thường;  3.Trợ cấp mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập đối với trẻ em đi học phổ thông,bổ túc văn hóa;  4.Trợ cấp hàng tháng vệ sinh cá nhân đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ;  5.Trợ cấp mai táng phí.  Chủtịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức trợcấp phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.  **Điều 12.**Cơ sở bảo trợ xã hội được tiếp nhận, sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí vàhiện vật (nếu có) do các tổ chức, cá nhân đóng góp và giúp đỡ từ thiện; bảo đảmsử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo chế độ tài chínhhiện hành.  **Điều 13.**Nguồnkinh phí nuôi dưỡng, kinh phí hoạt động bộ máy và kinh phí đầu tư xây dựng cơbản của các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp nào quản lý do ngân sách cấp đó bảođảm theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.    **Chương III**  **CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI ĐỘT XUẤT**  **Điều 14.**Đối tượng được cứu trợ xã hội đột xuất (một lần) là những người hoặc hộ giađình khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra,bao gồm:  1.Hộ gia đình có người bị chết, mất tích;  2.Hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng;  3.Hộ gia đình mất phương tiện sản xuất, lâm vào cảnh bị thiếu đói;  4.Người bị thương nặng;  5.Người thiếu đói do giáp hạt;  6.Người gặp phải rủi ro ngoài vùng cư trú mà bị thương nặng hoặc chết, gia đìnhkhông biết để chăm sóc hoặc mai táng;  7.Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú.  **Điều 15.**Mức trợ cấp cứu trợ xã hội đột xuất đối với từng nhóm đối tượng quy định tạikhoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 của Nghị định này do Chủ tịch Uỷ ban nhân dântỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tuỳ mức độ thiệt hại và khảnăng huy động nguồn lực.  Ngườilang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú được trợ cấp5.000 đồng/người/ngày, nhưng không quá 15 ngày.  **Điều 16.**Nguồn kinh phí để thực hiện cứu trợ đột xuất bao gồm:  1.Ngân sách Nhà nước cân đối hàng năm; Ngân sách tỉnh, huyện, xã tự cân đối;  2.Do các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ;  3.Trợ giúp của nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ trực tiếp cho địa phương hoặcthông qua Chính phủ, các đoàn thể xã hội.  Trườnghợp các nguồn kinh phí trên không đủ để thực hiện cứu trợ đột xuất thì Chủ tịchUỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chínhphủ xem xét, quyết định.    **Chương IV**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  **Điều 17.**Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Chính phủ quản lý Nhà nước về công táccứu trợ xã hội; chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫnthực hiện Nghị định này.  **Điều 18.**  1.Bộ Tài chính có trách nhiệm đảm bảo kinh phí cứu trợ xã hội theo quy định hiệnhành và phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước.  2.Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho ngườithuộc diện cứu trợ xã hội và giám định tình trạng bệnh tật của người tâm thần,người tàn tật.  3.Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức học văn hóa; miễn,giảm học phí và các khoản đóng góp khác cho học sinh là người thuộc diện cứutrợ xã hội theo chế độ hiện hành.  4.Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xác định mức độ hậu quả thiên tai, mất mùa và đói giáphạt để có biện pháp và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc cứu trợ xã hội độtxuất.  **Điều 19. Uỷ** ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:  1.Quản lý người thuộc diện cứu trợ xã hội và cơ sở bảo trợ xã hội thuộc địa phương;  2.Tổ chức thực hiện chế độ cứu trợ xã hội đối với từng nhóm người thuộc diện cứutrợ xã hội được quy định tại Nghị định này;  3.Chỉ đạo việc xây dựng, quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc địa phương;  4.Chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành chức năng hướng dẫncác tổ chức và cá nhân hỗ trợ người thuộc diện cứu trợ xã hội;  5.Hàng năm lập dự toán kinh phí cứu trợ xã hội thường xuyên, cứu trợ xã hội độtxuất theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiệnhành; hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan Lao động - Thương binh và Xãhội và các ngành chức năng xây dựng và tổng hợp kế hoạch kinh phí cứu trợ xãhội thường xuyên, cứu trợ xã hội đột xuất.    **Chương V**  **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**  **Điều 20.**Người có nhiều công lao, thành tích đóng góp cho hoạt động từ thiện đối với ngườithuộc diện cứu trợ xã hội thì được xét khen thưởng theo chế độ khen thưởng củaNhà nước.  **Điều 21.**Người vi phạm những quy định của Nghị định này, thì tuỳ theo mức độ vi phạm màbị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, trường hợp gây thiệt hại về vật chất thìbồi thường theo quy định của pháp luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.    **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 22.**Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.  Nhữngquy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.  **Điều 23.**Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủvà Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu tráchnhiệm thi hành Nghị định này./. | | |
| |  | | --- | | **TM. CHÍNH PHỦ** | | **KT. THỦ TƯỚNG** | | **PHÓ THỦ TƯỚNG** | | *(Đã ký)* | |  | |  | | **Nguyễn Tấn Dũng** | | | |